

Tên học phần: Tâm lí học phát triển và ứng dụng trong giáo dục đặc biệt
(Developmental Psychology and Application of Special Education)

Mã học phần : SPEC 231

**Bài 11. Thuyết nhận thức (J.Piaget)
thuyết lịch sử văn hóa nhân loại (L.S. Vygotsky)
đối với sự phát triển của trẻ có nhu cầu đặc biệt**

Thời lượng: 100 phút

Học xong nội dung này, người học có thể:

- Nêu được cách chia giai đoạn phát triển nhận thức của Piaget.
- Biết được khái niệm “vùng phát triển gần nhất”, hiểu Quan niệm của Vygotsky về sự phát triển nhận thức
- Vận dụng hiểu biết của thuyết nhận thức, thuyết lịch sử văn hóa nhân loại trong tìm hiểu và lí giải sự phát triển tâm lí của trẻ ở các giai đoạn và vận dụng trong giáo dục đặc biệt

2.2.4.1. Thuyết nhận thức (J.Piaget)

Thuyết phát triển nhận thức của J.Piaget – Piaget nhận thấy trẻ em cùng lứa tuổi thường có những ứng xử tương tự nhau, mắc lỗi giống nhau.

Sự khác biệt đối với mỗi cá nhân là *vận tốc* mà cá nhân đó có thể vượt qua và *mức phát triển đạt được*

Piaget chia quá trình phát triển trí tuệ của trẻ thành 4 giai đoạn (GD) Nhà tâm lý học Thụy Sĩ J. Piaget (1896 – 1980) là người đưa ra những mô tả cụ thể và được cho là đầy đủ nhất về quá trình phát triển trí tuệ trẻ em.

Piaget nhận thấy là trẻ em ở cùng lứa tuổi thường có những lỗi ứng xử tương tự nhau, và thường mắc các lỗi cùng loại khi giải quyết cùng một vấn đề, Ông cho rằng những lỗi mang tính phổ biến và tương tự nhau ở những trẻ cùng lứa tuổi thể hiện trình độ phát triển trí tuệ của trẻ em ở lứa tuổi đó. Những trẻ em lứa tuổi lớn hơn lại thường mắc những lỗi khác khi giải quyết các vấn đề khó hơn, và hầu như không còn mắc những lỗi mà trẻ em lứa tuổi nhỏ hơn mắc phải.

Piaget cho rằng, sở dĩ như vậy vì sự phát triển nhận thức, trí tuệ của trẻ em phát triển lần lượt qua các mức độ từ thấp đến cao, tạo thành các giai đoạn phát triển được xem là phổ biến đối với mọi cá thể. Sự phát triển của trẻ em không thể đạt được trình độ cao hơn, nếu chưa đạt mức thấp hơn trước đó. Sự khác biệt đối với mỗi cá nhân chỉ có thể là *vận tốc* mà mỗi cá nhân có thể vượt qua từng giai đoạn và *mức phát triển đạt được* ở chung cuộc.

Piaget phân chia quá trình phát triển trí tuệ trẻ em thành bốn giai đoạn (thời kỳ): giác động, tiền thao tác, thao tác cụ thể thao tác hình thức.

Giai đoạn giác động (0 – 2 tuổi)

Theo Piaget, lúc mới sinh, hệ thống nhận thức của trẻ chỉ giới hạn ở các phản xạ vận động. Tuy nhiên, chỉ trong vòng một vài tháng, trẻ đã dựa trên những phản xạ này để phát triển các hành vi phức tạp hơn. Trẻ bắt đầu lặp đi lặp lại các hành vi ban đầu một cách có hệ thống, biết ứng dụng hành vi của mình vào nhiều tình huống hơn và phối hợp chúng vào một chuỗi hành vi ngày càng dài. Chính sự tương tác giữa cơ thể của trẻ với các đối tượng trong hiện thực khách quan tạo nên động lực cho sự phát triển này.

Giai đoạn tiền thao tác (2 – 6,7 tuổi)

Thành tựu quan trọng nhất của thời kỳ này là việc hình thành được một thế giới biểu tượng có chức năng đại diện cho những sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan, đó là những hình ảnh tinh thần, kinh nghiệm và đặc biệt là ngôn ngữ. Từ vựng của trẻ tăng rất nhanh trong khoảng 2 – 6 tuổi. Ngữ pháp được củng cố, khả năng xây dựng câu phát triển mạnh, từ câu gồm 1, 2 cụm từ đến câu có độ dài không xác định. Tuy nhiên, theo quan sát của Piaget, trẻ thời kỳ này mới chỉ có thể sử dụng các biểu tượng để nhìn thế giới với góc nhìn riêng của chúng. Khả năng tập trung chú ý của trẻ còn hạn hẹp, thường bỏ qua những thông tin quan trọng. Chưa có khả năng chú ý đến nhiều khía cạnh của sự vật hiện tượng. Trẻ chưa hiểu được khái niệm bảo toàn, nghĩa là chưa hiểu được rằng sự thay đổi hình dáng bên ngoài không làm ảnh hưởng đến bản chất bên trong.

Giai đoạn thao tác cụ thể (6,7 tuổi – 11, 12 tuổi)

Theo Piaget, tất cả trẻ em ở giai đoạn phát triển này đều có khả năng nhìn thế giới bên ngoài từ những góc nhìn khác nhau, chứ không chỉ từ góc nhìn riêng của chúng ở giai đoạn trước. Điều này giúp trẻ hiểu được khái niệm bảo toàn, hiểu được rằng sự biến đổi vị trí và hình dáng của vật không làm ảnh hưởng đến khối lượng của vật. Điều này cho phép trẻ giải quyết được nhiều vấn đề mà giai đoạn trước trẻ không làm được. Tuy nhiên, trẻ vẫn không thể xem xét tất cả các trường hợp có thể xảy ra và cũng không hiểu được các khái niệm trừu tượng.

Giai đoạn thao tác hình thức (11, 12 tuổi trở đi)

Đây chính là giai đoạn cao nhất trong các giai đoạn phát triển. Theo Piaget, những trẻ ở trong giai đoạn này đã có khả năng lập luận trên phương diện lý thuyết trừu tượng, chứ không chỉ dựa trên các thao tác cụ thể. Cách nhìn mở rộng này cho phép trẻ có khả năng giải quyết nhiều kiểu vấn đề vốn là không thể đối với trẻ em ở các mức độ thấp hơn. Mặc dù Piaget nhận thấy một số kiến

thức cụ thể, niềm tin hay sự thừa nhận vẫn tiếp tục thay đổi, ông vẫn cho rằng cách lập luận cơ bản của giai đoạn thao tác hình thức đủ mạnh để con người có thể tồn tại suốt cuộc đời.

Lý thuyết của Piaget đóng vai trò quan trọng trong tâm lý học, mặc dù nó đã được phát triển từ nửa thế kỷ trước. Một trong những lý do cho sự tồn tại vững chắc đó là những mô tả cụ thể, tầm bao quát, độ tin cậy cũng như vẻ đẹp trong những nhận định mà lý thuyết đưa ra. Chính từ những nghiên cứu của ông, nhiều ngành tâm lý học khác như tâm lý học phát triển, tâm lý học nhận thức,... đã được đặt nền móng, hình thành và phát triển.

Piaget đã nhấn mạnh rằng trẻ em là những thực thể tích cực, có khả năng thích ứng, có quá trình suy nghĩ hoàn toàn khác so với người lớn. Điều này có ý nghĩa rất lớn về mặt giáo dục.

Bên cạnh những đóng góp to lớn, học thuyết của J. Piaget vẫn có những hạn chế nhất định. Ông đã quá đề cao vai trò của những quá trình sinh vật trong sự phát triển tâm lý người. Mặt khác, học thuyết của ông mới chỉ đề cập đến một loại trí tuệ, đó là trí tuệ logic. Ngoài ra, công trình của ông mới chỉ quan tâm phát hiện các quy luật phát sinh, phát hiện nhận thức của trẻ em trong những điều kiện bình thường của xã hội nơi ông sống và làm việc.

Một số nghiên cứu cho thấy những đặc điểm trí tuệ trẻ em được mô tả trong lý thuyết của Piaget không hoàn toàn phù hợp đối với trẻ em ở các nền văn hóa khác, đặc biệt là ở những nơi con người vẫn sống chủ yếu bằng săn bắn và hái lượm (Cole. M., Scribner S., 1967).

2.2.4.2. Thuyết lịch sử văn hóa nhân loại (L.S. Vygotsky)

Nhà tâm lý học vĩ đại người Nga L.X. Vygotski (1896 – 1934) đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa; nghệ thuật; tâm lý; giáo dục. Cách tiếp cận *văn hóa – xã hội – lịch sử* của ông được đánh giá cao và là nền tảng lý luận cho sự ra đời của trường phái Tâm lý học hoạt động. Quan niệm của Vygotski về sự phát triển nhận thức được thể hiện thông qua một số nhận định cơ bản sau:

Vai trò của văn hóa trong phát triển trí tuệ, nhận thức.

Vygotski khẳng định rằng: nhận thức của con người bao giờ cũng mang đậm nét văn hóa xã hội, và chịu ảnh hưởng của những giá trị, niềm tin, cách sống của nền văn hóa, nơi con người đó sinh sống (ngay cả khi người đó chỉ có tư duy một mình).

Vygotski cho rằng, trẻ em khi sinh ra với chỉ một vài chức năng tâm lý sơ đẳng (chú ý, cảm giác, tri giác và trí nhớ). Những chức năng này dần dần sẽ phát triển và trở thành các chức năng tâm lý cao cấp, phức tạp. Sự phát triển này diễn ra dưới ảnh hưởng trực tiếp của văn hóa xã hội. Mỗi nền văn hóa truyền cho trẻ em cách nhớ, cách suy nghĩ, cách tư duy. Ngoài ra, mỗi nền văn hóa còn có những

giá trị và chuẩn mực khác nhau, nên nó còn dạy cho trẻ em cần chú ý, cần nhớ, cần suy nghĩ về cái gì.

Và vì mỗi nền văn hóa xã hội có hệ thống giá trị, chuẩn mực, các công cụ phương tiện tư duy khác nhau (đặc biệt ở những nền văn hóa khác xa nhau như các bộ lạc vùng núi với các nước công nghiệp văn minh) nên nội dung và phương thức phát triển trí tuệ nhận thức cũng rất khác nhau, và không thể giống nhau đối với toàn thể nhân loại.

Sự phát triển nhận thức của trẻ diễn ra phần nhiều nhờ vào sự dẫn dắt của cha mẹ, thầy cô và những người có kinh nghiệm hơn.

Vygotski đồng ý với Piaget là trẻ em luôn ham hiểu biết, tích cực tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh. Nhưng khác với Piaget, Vygotski cho rằng, nhiều phát hiện quan trọng của trẻ em diễn ra nhờ sự dẫn dắt của người lớn (người có kinh nghiệm hơn), chứ không phải do trẻ tự mày mò mà có được.

Đầu tiên người lớn cùng hoạt động với trẻ, người lớn làm trước để trẻ nhìn, vừa làm vừa giải thích cách làm. Đưa trẻ nhập tâm dần chỉ dẫn của người lớn, sau đó mới tự thực hiện công việc một mình. Ví dụ: Bé Hoa 4 tuổi vừa nhận được quà sinh nhật là hộp ghép hình, bé mở ra nhưng không biết chơi cho đến khi bố bé đến, ngồi cạnh hướng dẫn cho bé một vài điều. Người bố gợi ý nên ghép các góc trước tiên, và chỉ vào màu xanh của mảnh góc và đề nghị: “chúng ta cùng tìm mảnh có màu giống thế này nữa nhé”. Khi Hoa lúng túng, không biết tiếp tục thế nào, bố bé đặt hai mảnh cạnh nhau để bé nhận ra chúng, khi Hoa làm được, bố khen ngợi động viên bé. Khi Hoa từng bước nắm được cách chơi, bố bé đứng lên và để bé tự chơi một mình.

Như vậy, người lớn có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn, động viên và khích lệ trẻ thông qua việc cùng học, cùng chơi với chúng.

Vùng phát triển gần nhất

Một trong những khái niệm quan trọng do Vygotski đưa ra là khái niệm vùng phát triển gần nhất. Vùng phát triển gần nhất, theo cách hiểu của ông, là khoảng cách giữa mức phát triển hiện có của đứa trẻ và mức phát triển có thể đạt được của nó nếu có sự gợi ý, giúp đỡ của người lớn.

Mức phát triển “hiện có” của trẻ thể hiện ở những gì trẻ có thể tự thực hiện, không cần giúp đỡ. Mức phát triển “có thể đạt được” của trẻ được xác định bởi những gì trẻ có thể hiểu, hay làm được dưới sự chỉ bảo, giúp đỡ, hướng dẫn của người lớn. Theo Vygotski, giáo dục cần phải hướng vào chính “vùng phát triển gần nhất” của mỗi đứa trẻ.

Khái niệm “vùng phát triển gần nhất” có ý nghĩa lý thuyết và thực tiễn quan trọng, gắn liền với những vấn đề cơ bản, nền tảng của tâm lý học trẻ em và tâm lý học sư phạm. Đó là các vấn đề về: sự hình thành và phát triển các chức năng tâm lý

cấp cao; mối quan hệ giữa dạy học và các yếu tố thúc đẩy sự phát triển của trẻ em, v.v.

Các chức năng tâm lý cấp cao, đầu tiên được hình thành trong hoạt động cùng với mọi người, với người lớn, và dần dần trở thành các quá trình tâm lý bên trong của chính đứa trẻ.

Dạy học chỉ tốt và đúng khi nó đi trước sự phát triển hiện có của trẻ em và tác động vào đúng vùng phát triển gần nhất của trẻ, thúc đẩy sự phát triển khả năng tiềm tàng có thể có của đứa trẻ ở thời điểm đó. Nói cách khác, dạy học phải đi trước và kéo theo sự phát triển của trẻ em.

Vygotski đã phát hiện ra cơ chế phát triển tâm lý là nhập tâm hóa, biến hoạt động bên ngoài thành hoạt động tâm lý bên trong và xuất tâm hóa các phẩm chất tâm lý bên trong qua các hoạt động xã hội bên ngoài. Đồng thời thuyết lịch sử - văn hóa cũng đã nêu bật bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý người, của nền văn hóa, của ngôn ngữ trong việc hình thành, phát triển tâm lý. Các tư tưởng của L.X. Vygotski mở ra hàng loạt vấn đề cần giải quyết và tạo nền tảng phương pháp luận và lý luận vững chắc cho sự phát triển sau này của tâm lý học hoạt động.

Thuyết lịch sử - văn hóa nhân loại do L.S Vygotsky khởi xướng nói rằng: sự tương tác xã hội cho tư duy về hành vi của trẻ từng bước từng bước thay đổi một cách liên tục trong bối cảnh văn hóa. Về cơ bản, sự phát triển phụ thuộc vào tương tác giữa người với người và bằng các công cụ là những gì mà văn hóa cung cấp để sự hình thành một quan niệm riêng về thế giới. Có ba con đường mà qua đó văn hóa được truyền từ người này đến người khác, đó là:

- Thứ nhất là học tập bằng cách bắt chước, khi mà một người cố gắng bắt chước hoặc sau chép lại suy nghĩ, hành vi của người khác.
- Thứ hai là học nhờ sự dạy dỗ, hướng dẫn, cách học này liên quan đến việc ghi nhớ những hướng dẫn, chỉ bảo của giáo viên và sau đó người học dùng những hướng dẫn này mà tự điều chỉnh bản thân.
- Cuối cùng là học tập hợp tác, cách học này liên quan đến việc một nhóm người cố gắng hiểu nhau và làm việc chung với nhau để học một kỹ năng cụ thể.
- Lý thuyết lịch sử - văn hóa nhân loại của Vygotsky là sự kết hợp cả môi trường xã hội và vấn đề nhận thức. Nó nhấn mạnh đến tầm quan trọng của yếu tố xã hội và văn hoá tác động lên sự phát triển nhận thức của trẻ em. Hai yếu tố này tác động thông qua sự tương tác của trẻ với đồ vật và với người lớn. Nói cách khác, chính đồ vật và người lớn mà trẻ tương tác luôn mang dấu ấn của nền văn hoá và bản chất xã hội trên mình. Thông qua những tương tác chính thức hay không chính thức, người lớn truyền đạt thông tin cho trẻ theo

nhiều cách mà văn hoá của họ đã lý giải về thế giới. Vygotsky tin rằng tương tác xã hội sẽ đưa tới sự thay đổi thường xuyên trong nhận thức và hành vi của trẻ. Ông viết: "... Mọi chức năng trong sự phát triển văn hóa của đứa trẻ được bộc lộ hai lần, trong hai phương diện, đầu tiên trong diện xã hội rồi đến diện tâm lý, đầu tiên giữa người này với người kia như một phạm trù tâm giao, rồi đến bên trong đứa trẻ, như một phạm trù nội tâm".

- Hai khái niệm quan trọng được đề cập chính trong thuyết lịch sử - văn hóa nhân loại của Vygotsky là khái niệm về ngôn ngữ thầm và khái niệm về vùng phát triển gần "the zone of proximal development" (ZPD).
- Về ngôn ngữ thầm, có thể quan sát điều này khi đứa trẻ tự nói với mình về kế hoạch hoặc để tự hướng dẫn hành vi của chính nó (thường thấy điều này ở trẻ trước tuổi đến trường). Khi đứa trẻ phải thực hiện một nhiệm vụ (khó khăn mà chúng chưa biết phải làm thế nào, chúng thường sử dụng ngôn ngữ cá nhân trong khi đang làm việc (vừa làm vừa nói lẩm bẩm về từng bước công việc). Trong trường hợp này, ngôn ngữ nói giúp cho trẻ hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Vygotsky tin rằng, ngôn ngữ nói thay đổi theo lứa tuổi và ngày càng nhỏ đi về âm lượng để trở thành lời nói thầm trong đầu.
- Khái niệm quan trọng thứ hai trong thuyết lịch sử - văn hóa nhân là vùng phát triển gần (ZPD). Khái niệm này bắt nguồn ở chỗ với sự giúp đỡ của người khác, đứa trẻ có thể hoàn thành được một nhiệm vụ mà trước đó chính nó không thể tự hoàn thành được. Theo Vygotsky, vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình phát triển, mỗi đứa trẻ đều có các vấn đề mà các em có thể tự giải quyết được và có những vấn đề các em gần giải quyết được. Từ luận điểm đó, ông đi đến phân biệt *trình độ hiện tại* và *vùng phát triển gần*. Về mặt thực tiễn, mức độ hiện tại biểu hiện qua tình huống tự trẻ em độc lập giải quyết nhiệm vụ mà không cần đến sự giúp đỡ của bất kỳ ai, còn mức độ phát triển gần nhất được thể hiện trong tình huống trẻ hoàn thành nhiệm vụ khi có sự hợp tác, giúp đỡ của người khác mà khi tự mình giải quyết thì trẻ không thực hiện được. Và có cả những hoạt động vượt quá khả năng của trẻ ngay cả khi các bước thực hiện được trình bày một cách rõ ràng.
- Có thể coi ZPD là khoảng cách giữa mức phát triển thực tế và mức phát triển có thể có, được xác định bởi những nhiệm vụ mà trẻ giải quyết được với sự hướng dẫn của người lớn. L.S. Vygotsky viết: "Vùng phát triển gần xác định những chức năng chưa chín muồi, nhưng đang trong quá trình chín muồi; những chức năng chưa là "trái" của sự phát triển, nhưng là mầm chồi, là hoa của sự phát triển. Mức phát triển thực tế cho thấy thành quả của sự phát triển ngày hôm qua, còn vùng phát triển gần cho thấy sự phát triển trí tuệ của ngày mai".

- Như vậy, mức độ hiện tại là trình độ mà ở đó các chức năng tâm lý đã đạt đến mức độ chín muồi, còn vùng phát triển gần trong đó các chức năng tâm lý đang trưởng thành nhưng chưa chín. Như vậy, hai mức độ phát triển của trẻ, thể hiện hai mức độ chín muồi của các chức năng tâm lý ở các thời điểm khác nhau. Đồng thời chúng luôn vận động, vùng phát triển gần hôm nay thì ngày mai sẽ là trình độ phát triển hiện tại và xuất hiện vùng phát triển gần mới.
- Có thể coi độ lớn của vùng phát triển gần là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá tiềm lực phát triển phát triển của trẻ ở giai đoạn đó. Giáo dục phải hướng vào vùng phát triển gần của trẻ làm sao để trẻ hôm nay còn phải có sự giúp đỡ của người lớn mới giải quyết được các nhiệm vụ của mình thì ngày mai nó đã tự làm một mình.
- Để ZPD thành công, nó cần có hai đặc trưng. Đặc trưng thứ nhất liên quan đến các đặc điểm của bản thân trẻ, còn được gọi là đặc trưng mang tính chủ thể. Thuật ngữ này mô tả quá trình hai cá nhân bắt đầu nhiệm vụ với những hiểu biết khác nhau, nhưng cuối cùng đạt đến mức có thể chia sẻ hiểu biết với nhau. Đặc trưng thứ hai là sự hỗ trợ mang tính xã hội, điều có ý nói đến sự thay đổi của hỗ trợ xã hội đối với các khóa học. Nếu sự hỗ trợ xã hội thành công thì mức độ thông thạo của trẻ về khả năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sẽ tăng lên. Sự phù hợp giữa hai đặc trưng này là điều rất quan trọng khi muốn áp dụng ZPD thành công.
- Ý tưởng và lý thuyết của Vygotsky thường được đem so sánh với nhà tâm lý học nổi tiếng người Thụy Sĩ J. Piaget (1896-1980), đặc biệt là về lý thuyết phát triển nhận thức của ông. Về sự phát triển nhận thức, hai nhà khoa học này có sự giải thích trái ngược nhau về một số điểm.. Trái ngược với quan niệm vùng phát triển gần của Vygotsky, Piaget cho rằng, nguồn gốc quan trọng nhất của sự nhận thức là ở chính đứa trẻ. Tuy nhiên, Vygotsky lại cho rằng, môi trường xã hội có thể giúp phát triển nhận thức của trẻ. Môi trường xã hội là một yếu tố quan trọng giúp cho đứa trẻ thích ứng về mặt văn hóa với tình trạng mới khi cần. Cả Vygotsky và Piaget đều có chung một mục tiêu là tìm ra sự phát triển trí tuệ ở trẻ. Piaget chỉ ra rằng, trẻ em hoạt động một cách độc lập trong thế giới vật chất để khám phá cái mà nó quan tâm. Vygotsky, ở khía cạnh khác, đã viết trong cuốn Tư duy và Ngôn ngữ (Thought and Language) rằng hoạt động trí tuệ của người là kết quả của học tập mang tính xã hội. Khi đứa trẻ đã thực hiện thành thạo một nhiệm vụ nào đó, nó sẽ quan tâm đến việc đối thoại về nhiệm vụ đó với người khác, chính điều này đã đưa Vygotsky đến chỗ tin rằng, thành quả về ngôn ngữ chính là thời điểm quan trọng nhất trong cuộc sống của trẻ. Tóm lại, lý thuyết của Piaget nhấn mạnh đến sự thay đổi trong nhận thức phổ quát, đang khi đó lý thuyết của Vygotsky đưa ta đến hy vọng về

sự phát triển ở mức cao hơn, tùy thuộc vào vốn văn hóa của trẻ và môi trường. Lý thuyết của Piaget nhấn mạnh đến con đường tự nhiên của nhận thức, trong khi đó, lý thuyết của Vygotsky quan tâm đến sự phát triển theo con đường văn hóa.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Văn Đồng (2004), Tâm lí học phát triển, NXB chính trị quốc gia, 2004.

[2] Nguyễn Ánh Tuyết chủ biên (2002), Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB ĐHSPHN.

[3] Trương Khánh Hà, (2011), Tâm lí học phát triển, NXB Đại học quốc gia,